

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 8 năm 2020

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN II: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN

VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 49, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Đỗ Tú Anh	1	07	7.5	Bảy rưỡi	
2	Lã Duy Anh	2	40	6.5	Sáu rưỡi	
3	Nguyễn Thị Lan Anh	3	33	6.5	Sáu rưỡi	
4	Đoàn Đức Bào	4	03	8.0	Tám	
5	Lê Thị Bích	5	39	7.5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Ngọc Bình	6	49	6.5	Sáu rưỡi	
7	Nguyễn Lệ Chi	7	23	6.5	Sáu rưỡi	
8	Vũ Thị Thùy Chi	8	15	7.0	Bảy	
9	Hoàng Thái Hoa Cương	9	21	6.5	Sáu rưỡi	
10	Nguyễn Thị Dung	10	-	-	-	Vắng thi
11	Vũ Thị Hồng Đoan	11	25	7.0	Bảy	
12	Trịnh Phương Giang	12	53	8.0	Tám	
13	Nguyễn Thanh Giang	13	52	7.5	Bảy rưỡi	
14	Hồ Thị Hà	14	56	7.0	Bảy	
15	Khâu Lê Hà	15	55	8.0	Tám	
16	Nguyễn Thị Minh Hằng	16	18	8.0	Tám	
17	Trịnh Thị Minh Hào	17	28	7.5	Bảy rưỡi	
18	Vũ Thị Thanh Hào	18	44	6.5	Sáu rưỡi	
19	Phạm Thị Như Hoa	19	36	7.5	Bảy rưỡi	
20	Nông Thị Ngọc Hoa	20	41	7.0	Bảy	



Handwritten signature

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
21	Nguyễn Huy Hoàng	21	54	7.5	Bảy rưỡi	
22	Đinh Nho Hội	22	-	-	-	Vắng thi
23	Phạm Văn Hùng	23	46	7.0	Bảy	
24	Đỗ Quốc Hương	24	45	7.0	Bảy	
25	Phạm Thị Hương	25	34	7.0	Bảy	
26	Phạm Thu Hường	26	35	7.5	Bảy rưỡi	
27	Đồng Duy Khánh	27	27	7.5	Bảy rưỡi	
28	Nguyễn Văn Khánh	28	12	7.0	Bảy	
29	Đào Thị Khuyên	29	22	8.0	Tám	
30	Nguyễn Thị Phương Lan	30	32	7.0	Bảy	
31	Bùi Thị Lập	31	17	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Ngọc Mạnh	32	38	7.5	Bảy rưỡi	
33	Nông Văn Mẫn	33	48	7.5	Bảy rưỡi	
34	Nguyễn Thị Thanh Mến	34	43	7.5	Bảy rưỡi	
35	Nguyễn Thị Ngọc Mỹ	35	31	8.5	Tám rưỡi	
36	Đỗ Thị Bích Ngọc	36	11	7.5	Bảy rưỡi	
37	Lê Thị Bích Ngọc	37	05	7.5	Bảy rưỡi	
38	Vũ Thị Nhu	38	29	7.5	Bảy rưỡi	
39	Lương Thị Tuyết Nhung	39	04	8.0	Tám	
40	Nguyễn Thị Hồng Ninh	40	24	7.0	Bảy	
41	Nguyễn Trường Phú	41	26	7.0	Bảy	
42	Phạm Thị Phượng	42	10	8.0	Tám	
43	Nguyễn Thị Phượng	43	14	8.0	Tám	
44	Trương Đăng Quang	44	06	7.5	Bảy rưỡi	
45	Lương Thị Quyên	45	16	7.0	Bảy	
46	Nguyễn Định Thành	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
47	Lê Xuân Thành	46	51	7.0	Bảy	
48	Nguyễn Trung Thành	47	50	7.0	Bảy	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
49	Nguyễn Thị Thoa	48	20	7.0	Bảy	
50	Bùi Thị Phương Thu	49	08	7.5	Bảy rưỡi	
51	Đông Văn Thương	50	13	7.0	Bảy	
52	Nguyễn Thị Tân Tiến	51	09	7.0	Bảy	
53	Thân Văn Tiệp	52	30	7.0	Bảy	
54	Nguyễn Anh Tú	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
55	Nguyễn Anh Tuấn (A-1976)	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
56	Nguyễn Anh Tuấn (B-1965)	53	37	7.0	Bảy	
57	Nguyễn Văn Tuấn	54	47	7.0	Bảy	
58	Vương Cẩm Vân	55	42	7.0	Bảy	
59	Phạm Thị Hải Yến	56	19	7.5	Bảy rưỡi	
60	Trần Thị Ngọc Hà	57	01	7.5	Bảy rưỡi	P II – K9 Đồng Hy
61	Diệp Kiều Chanh	58	02	7.5	Bảy rưỡi	P II - K48KTT

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Thị Hồng mây

**KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên